

CÔNG BÌNH

Mùa Xuân Năm Bình Quát



CẢNH XUÂN VỀ CỦA HOA-SĨ PHẠM-CHU



NĂM BÌNH TUẤT

CALENDRIER LUNAIRE. — ÂM-LICH

ANNÉE DU CHIEN (4582) 354 jours

TABLEAU DE CORRESPONDANCE

MOIS LUNAIRE.	DURÉE en JOURS.	MOIS LUNAIRE.	DURÉE en JOURS.	MOIS LUNAIRE.	DURÉE en JOURS.
1 ^{er}	30	5 ^e	29	9 ^e	30
2 ^e	29	6 ^e	29	10 ^e	30
3 ^e	29	7 ^e	30	11 ^e	29
4 ^e	30	8 ^e	29	12 ^e	30

PRINCIPALES FÊTES CIVILES

Nguyên-Đán (Nouvel An de l'année du Chien) 2 février 1946
Bính-Tuất

Thanh-Minh (Fête du Printemps) 4 avril

Đoan-Ngũ (Fête du Double Cinq) 4 juin

Trung-Thu (Fête du Mi-Automne ou des enfants) 10 sept.

Nguyên-Đán (Nouvel An de l'année du Cochon) 22 janv. 1947
Đinh-Hợi

CÔNG BÌNH CHÚC TẾT

Năm bính-tuất, tòa-soạn Công-Binh thành thật xin chúc mừng anh em ở pháp được mọi sự như ý và cầu chúc anh em bình hoạn được mau bình phục như xưa.

Kính-Chúc.

C. B. T. C.

XUÂN BÌNH TUẤT



*Bên ngoài hoa nở đã vàng hoe
Xuân nọ, Xuân kia rộn tứ bề,
Đằng đẳng sáu năm bên đất Pháp,
Ôm bao nguyện vọng đợi Xuân về...*

Một năm đã qua.

Xuân lại tới, cùng với Xuân tươi bên đất khách, hơn 14.000 anh em Lính-Thợ hiện còn ở trên giải đất Pháp, và Chiến-Binh, Học-Sinh, Thường-Dân v. v... Người ở các cơ, trại, tỉnh thành, nhà-quê cũng như kẻ bệnh-hoạn trong các Dưỡng-Dường, đều chung một ý-tưởng có cái vui hồn-nhiên của ngày nguyên-đán và điểm-chút buồn... Khi nắng cao cốc rượu chát đỏ tươi!

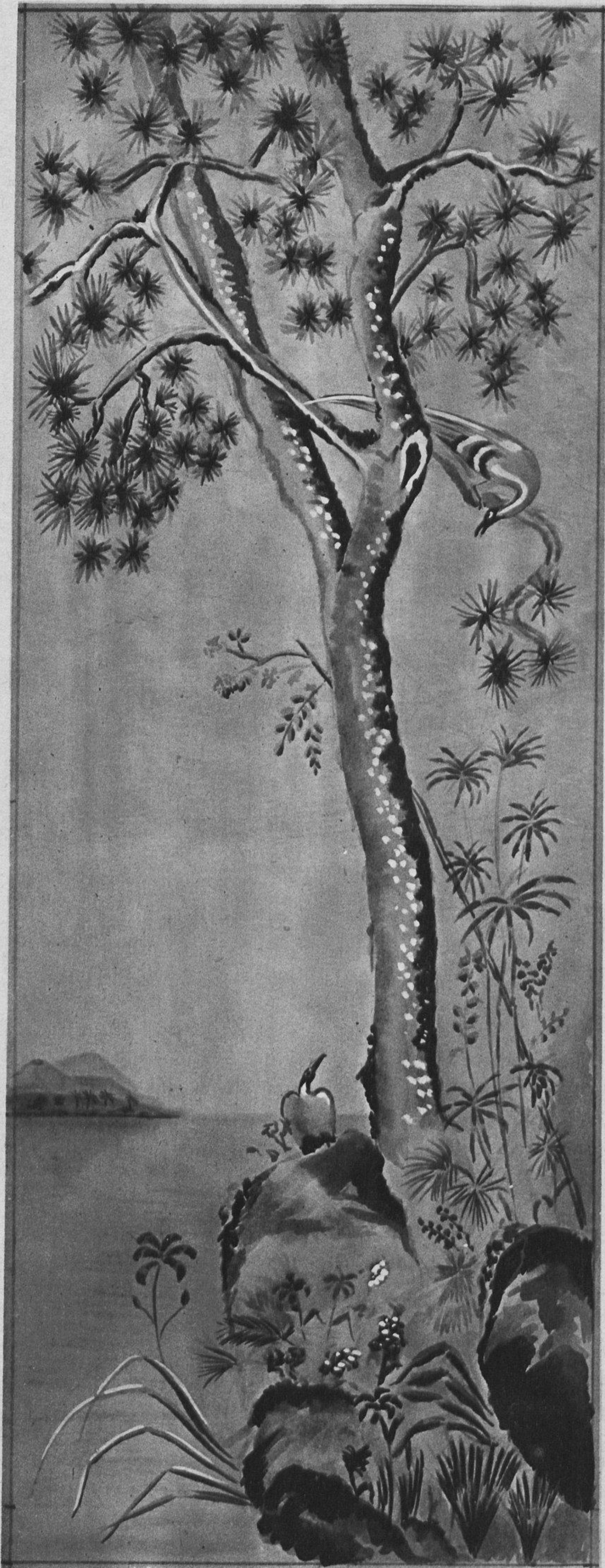
Đành rằng Xuân tới đúng kỳ hẹn, như để đánh dấu một lịch-sử chiến-tranh tàn khốc của loài người, đã giã-man xâu xé lẫn nhau! nhưng Xuân sang giá lạnh, và nếu ta nhìn bầu trời trắng đục trong khoảng không-trung vô cùng tận... đó là biểu-hiệu của ông Hóa-công đã xét thấu nỗi buồn, thương của nhân-loại đang âm-thầm đau-khổ như kêu nài đáng Chí-minh xét đoán đền những sự bất công ở hạ giới...

Giờ đây, muốn bước tới một năm sáng-sủa hơn, ta phải bỏ những nỗi oán-hờn nhỏ nhặt; nhẩn-nại, vui-vẻ, chăm điều thuốc hút rồi mừng-tượng lại câu sấm của ông Trạng-Trình Nguyễn-Bỉnh-Khiêm:

...«Dậu Tuất niên gian kiến thái-bình»!

để mừng đón buổi bình-minh sắp tới...

V. T.



Thơ Xuân

TẾT

Chiến-sĩ hỡi, kia hôm nay Nguyên-đán!
Xin tạm ngừng chân chạm chén cùng em.
Ta thả hồn về nước củi xa-xăm.
Để mộng tưởng ngày đầu năm bên ấy.

Ngay giờ đây cảnh đào hoa tươi thắm,
Khoe màu tươi rạng rỡ, tầm khói nhang
Trên ban thờ ngưỡng vọng đấng tiên-nhân.
Trải bao thuở hưng vong cùng cỏ quốc.

Ngay giờ đây, những người ta yêu đau,
Dương tung bùng hờn hờ đón xuân sang.
Biết đâu trong tâm trí chẳng mủ-màng
Buồn thương hiện tưởng nhớ người xa vắng

Ngay giờ đây, lá xanh ánh vàng lướt
Đón chào xuân tươi sáng khắp non sông.
Thức lòng ta nuôi mãi trí trẻ trung
Để vui sống vẫy vùng và hy-vong.

Chiến-sĩ hỡi, em mời anh cạn chén,
Say sưa đi, tìm kiếm phút giây quên.
Rồi mai đây anh vững tâm lòng bền,
Tiến bước thẳng trên con đường tranh đấu.

D. T.

CẢM XUÂN

Rộn rã ngoài sông, mấy bữa rày,
Hoa đào đua nở, bướm đua bay.
Hôm qua chữ nhật có hàng xóm,
Điện áo hàng tổ lợn suốt ngày.

Xuân đẹp về rồi mẹ biết chưa?
Thấy xuân này lại nhớ xuân xưa,
Một thời gian trước xa thăm thẳm,
Gió thổi đêm trường bên đậu thưa.

Ra đi buổi ấy nước non buồn,
Căn dặn bao lần mẹ với con;
Cứ tháng hai thư con nhờ gửi,
Ở nhà tựa cửa mẹ trông con.

Rồi, tháng, năm qua lại tháng, năm,
Mộng hồn theo rồi đất xa xăm.
Tưởng người trong chôn quẻ hương ấy.
Sầu khắc ngổn ngang khúc ruột tầm.

THANH-CAO.

Tên Uyên



TÌNH BÈ BẠN Ở VOI NHAI

TRONG nghĩa hợp gọi rằng bằng-hữu,
Ở cùng nhau đồng đạo đồng tâm.
Trạch giao cần-thận chớ nhảm;
Giữ lành găm biết hoà thắm ghé thay.
Vào lan-thất thớm lây chạng biết,
Gắn bào-ngư quyến hết mùi tanh.
Như rằng tam-ích đã đành,
Lại còn tam-tổn hờ hênh được nào.
Đã định giao đá vàng khôn đổi;
Gắn cao-sơn chớ lỗi tóc-tơ.

Một niềm chí tin sau xưa,
Đâu đâu giàu khó bao giờ có quên.
Mảng chi thói bạc đen mọi sự,
Miệng ngọt bụi dạ ở trống gai.
Bàn khoản đo dần vắn dài,
Của thì xem trọng mà người xem khinh.
Nghĩa vong hình thiệt hơn chẳng kể;
Dầu khinh-cừu phì-mã tiếc chi.
Chữ rằng tương ích tương suy,
Kìa thì PHÁO, QUÂN, thì TRẦN, LÔI.

KIM-CHUNG sao lục.

THƠ-DÒ

CÂU CHUYỆN KÝ KHÔI

LINH gặp Thọ chào mừng vui vẻ!
Sao, dạo này mạnh khỏe luôn không?
Cám ơn, Vẫn được thông-dong,
Mới vừa thuê được gian phòng, thích ghé!
Chỉ hiềm nổi, tháng kia nhiều bạc,
Gặp vụ hè nắng nực mệt thay.
Nhất là buổi trưa hôm nay,
Trèo lên bảy lượt, xuống ngay sáu lần
Lính nghe nói, phân-vấn chẳng hiểu,
Vì thói thường "thăng thiếu giáng đa".
Nhưng Thọ nói đúng kia mà...
Các bạn thử đoán cho ra chuyện này?

TUNG-SƠN.

BIỆT LY

Tôi ở xa em muốn dặm rồi!
Mà hồn lưu luyến vẫn không thôi.
Mùa xuân hái lộc xanh đầu ấy,
Em có bao giờ nghĩ tới tôi!
Hải-đường phong nhụy ý phong thơ,
Bên cõi trời mây khói tỏa mờ,
Đã chết dần chủa trong ký-vãng
Lời thề nguyện trước buổi xuân tở.
Nắng không nhiều lắm, gió lảng-lảng.
Hương mới chiều nay từ xuống trần.
Trước cảnh vườn hoa mai nở trắng,
Bao người quã-phụ nhớ lang quân!...
Tình xưa em đã với quên rồi!
Thôi thế đành cho nhủ thế thôi!
Thời-đại gây nên bao chữ nghĩa,
Thì long em đổi lúc chia phối.
Chẳng giận em đâu, oán trách gì?
Xuân sang chắt nặng khối sầu bi.
Những ngày dài quá tới buồn lắm!
Cố nhẽ nguyên-nhân tại biệt ly.

THANH-CAO.



thơ và câu đối tết

迎 安 丙 戌
春 去 春 來 春 不 朽
丙 戌 迎 安 酒 盡 極
出 身 湖 矢 居 他 處
八 故 南 邦 見 此 時

THƠ VÀ CÂU ĐỐI TẾT

Xuân đi rồi xuân lại trở về, nào xuân đâu cỗi ?
Nhân đón chào Xuân, ta nưng chén rượu mừng Xuân Bính-Tuất
Làm trai hỏ-thời tang-bồng xông pha nơi trận địa,
Nhưng lòng hi vọng ngày về có-quốc nào có xa đâu ?!...

.. 三 ..

Xuân vắng nhớ nhà, vãn lạnh-lẽo ;
Tết buồn thương nước, vận lao-đao ...
Tết nhất nghèo : thiếu rượu, thiếu cơm ; liễn-đối hai hàng, duyên chảnh-máng.
Vãn chương xác ; không tiền, không gạo ; sinh-nhai mỗi bữa, nợ lung-tung !

.. 三 ..

Tôi ba mươi ngả, tường tượng cây nêu bên đất Việt ;
Sáng mừng một rẩy, ước ao tràng pháo đốt trời Tây.

.. 三 ..

Làng mọi ngàn ngõ, Tết đèn hai hàng vãn, đối cũ ;
Nước người lỏ láo, Xuân về một nhớ tổ-tiên xưa.



Chuyện Ngày Xuân

Mởng một Tết. Từ lúc Giao-thừa, Làng sớm bốn bên pháo nổ dì dềng kéo giải không ngớt. Trưởng-tộc, cha tôi khăn áo chỉnh-tề, mở cửa từ đường để đợi họ hàng tới chào ông vải. Ngoài sân sắc pháo phủ đầy mặt đất, tươi đỏ như môi đào của thiếu-nữ đón xuân. Trên bàn thờ đèn nến sáng chũng, hương trầm nghi ngút. Lọ lộc-bình sứ Giang-Tây chõ một cành đào hoa còn hàm-tiểu. Liễn, đôi vóc, nhiều muôn màu lông lánh chỉ vàng kim tuyến. Cảnh rực rỡ tôn-nghiêm nhắc nhớ kẻ hậu-sinh cái quá khứ oanh-liệt của một nhà thi lễ.

Tám giờ sáng, bà con tề tựu đông đúc, già, trẻ, gái, trai nét mặt hớn hở, chúc tụng lẫn sang. Anh tôi rút đôi dùi trống rung ba hồi trống tế. Lần lượt lớn, nhỏ tùy theo thứ bậc trong gia-tộc, mỗi người bước tới bàn thờ cúc cung bốn lạy. Hành lễ rồi, cha tôi mời hết họ hàng dùng nước trà trong sành-thất. Khi ai nấy ngồi yên trên sập và trên tràng kỷ, cha tôi thông-thả đứng trước mọi người, giọng-giạc kể cho họ nghe câu chuyện sau này :

Ngày xưa, một nhà vọng-tộc trải qua nhiều đời kế-tục nhau sống chung một cửa, cõm cháo chia đều rất nên hoà thuận. Sau có ba anh em cùng theo gương cha, ông ăn ở chung, tình máu mủ thương yêu đắm thắm, khách bàng-quan tám tảo khen ngợi là một gia đình hiếm có. Trước hết, hai anh

lớn cưỡi vợ, sau tới lượt em út. Hồi mới có hai chị dâu thì gia đình yên ổn, chưa có sự gì xảy ra làm mất hoà-khí.

Những một khi em dâu út đặt chân vào nhà này thì từ đó mất vui vì chị ta kiêu-cang tự-phụ là đem về cho chồng một món tiền hồi-món rất lớn. Ngoài chị ta ra thì cuộc đời của họ vẫn êm ả, cùng ăn một mâm, cùng nằm một chiếu; bởi muốn sống một cách tự-do tự-tại, chị ta càng sinh yêu tác quái. Đêm ngày than thở với chồng, sức siểm xa gần, thỏ thẻ dặt dìu nói xấu người anh lớn tiền-pha không chừng mực, lợi-dụng địa-vị, muốn gì tùy ý :

« Việc nhà một mình anh quán-xuyến, còn mình chẳng hiểu chút gì. Anh tiền một, anh nói mười, tiền mười nói trăm, làm sao mình biết? Tuy bây giờ còn sống chung, những sau này sẽ có ngày phải ở riêng. Nếu chàng may gia-tài phá tan, mình là em út, mình sẽ bị anh hưởng hơn hết. Theo ý tôi thì tốt hơn là đem chia ngày làm ba phần rồi đi ở riêng. Mạnh ai nấy lo, tự mình gây dựng, mở mang, sanh lợi, vốn liếng của mình, đó chẳng phải là một điều hay ư? »

Thường ngày chị ta cứ nhắc nhớ về vấn-đề ấy, ngôn-luận sắc đáng, rớt cuộc anh chồng phải cho là có lý. Theo ý vợ, anh ta nhờ một vài bà con nói giùm với hai anh cái ý-kiến ngồng cuồng kia. Mới đầu hai anh không chịu những sau vì người em nói ra nói vào mãi, bực mình, họ miễn-cường phải nghe theo. Chọn được ngày lành tháng tốt, ba anh em mới họ hàng thân tộc tới đông đủ, đánh giá nhà đất, ruộng nương, tiền bạc rồi chia làm ba phần.

Những giữa sân còn một cây đại cảnh lá sum xê, biểu dương tình đoàn-kết và cũng là một cái kỷ-niệm của gia đình vì chính tay một bậc tiền-bối trồng đã có trăm năm. Ba anh em ngắm cây đại bảo nhau : Nay chúng ta phải ở riêng, phần ai cây đại này? Tiếc thay đây hoa tươi đẹp! »

Cả ba đều suy nghĩ, im lặng, không biết tính cách nào cho ổn thỏa.

Người anh cả, tánh-tĩnh trung-trực, khuyên nên đẵn cây, chặt cửa thân cảnh rồi chia làm ba phần đều nhau. Hai em biểu đồng-tình, đơm giấy tờ làm song sẽ hạ cây cổ-thụ.

Trong trường-hợp này, ngày ký giấy, họ phải mời tôn trưởng tới đãi tiệc và để chứng nhận. Buổi sáng hôm đó, ba anh em giắt nhau ra sân để ngắm một lần cuối cùng cây cổ-thụ thân yêu. Nhưng lạ thay! cây đại tự nhiên khô héo! Chiều hôm qua xanh tươi hoa lá, mới một đêm mà hoa tàn lá rụng, cảnh héo thân khô! Sức-động, ba người cùng sụp quì dưới gốc, nước nở sục sùi, lớn tiếng than ràn ràn :

« Cổ-thụ ơi! tại sao hôm qua mi còn vui sống mà hôm nay tàn tạ đáng thương? Mi là di-vật của tổ-tiền! Mi chết thì chúng ta sẽ chết theo! »

Thôn thức, anh cả khóc, kể lể :

« Cổ-thụ ơi! tao than đây không những vì mi tàn, mà chính vì tao nghĩ tới ba anh em chúng tao sinh trưởng trong một nhà, chung khí huyết một cha, một mẹ, có thể so sánh với mi, lá cành, cây rễ liền-kết một thân; vì rễ sanh cây, cây sanh cành, cành sanh lá, cùng sống chung, bắt di bắt dịch, nhờ đó mà sanh hoa tươi tốt. Ai ngờ chỉ tại anh em ta điền-dại định đem mi chia làm ba phần cho nên mi đau khổ. Dù là thảo mộc, một đêm đủ khiến cho mi rời bỏ cõi đời! Soi gương mi, ba chúng ta là một thân, nếu phải rời nhau thì chúng ta cũng hết bề mong sống. Vì thế mà tao than khóc! »

Hai em nghe anh than thở, tỉnh-ngộ :

« Người thua gỗ đá hay sao? »

Lặng lặng ba người ôm nhau, thật thật nhủ con trẻ, và không muốn rời nhau. Đồng thời họ bảo nhau sẽ hủy bỏ giấy chia, nhất định sẽ sống chung như trước, ở một nhà và ăn một mâm.

Tối giờ đại tiệc, quan khách đông đủ. Ba anh em giải bày ý-kiến, cử-tọa đều vỗ tay khen ngợi. Bữa tiệc này có thể nói được là buổi tiệc trùng-phùng, chủ khách say sưa, vui vẻ.

Cuối cùng người ta đem bản « san-thụ » ra, ba anh em châm lửa đốt trước mặt mọi người. Rồi người ta còn đem một con gà trống tới để làm lễ tuyên-thệ. Người anh cả nắm đầu gà, hai em mỗi người một cẳng, họ cắt cổ gà, rắc máu trên bàn thờ Thổ-địa, thề cùng sống chết.

Lễ tan, mọi người cùng ra ngoài sân để mục-kích cây đại.

Một sự quái gở!

Cây Cổ-thụ chết đi sống lại! Hoa lá trở lại tươi tốt như xưa;

Ai nầy chăm chỗ :

« Thật là ý trời, ý trời! »

Người người vui xướng, tám tấc khen ngợi. Họ đốt một giấy pháo giải để kỷ niệm một sự kỳ-quan độc nhất. Xa gần nghe tin nọ nức tới xem cây đại và ca tụng ba anh em không ngớt.

Tin này tới Quan Phủ, Phủ quan làm giấy tâu lên tỉnh, tỉnh tâu giấy về Triều, nhà vua xuống chiếu Sắc-phong cho Cổ-thụ và cho phép lập miếu để ghi sự tích.

Nhớ lại chuyện xưa, ngày xuân nơi đất khách, mong anh em soi gương cũ mà đoàn kết nhau trong lúc này đây. . .

Hát-Bóng

Phỏng-Vấn KỲ-DUYÊN

K

hiêm tài-tử hát bóng Việt-Nam để phỏng-vấn, khác nào mò kim đáy bể. Thử vai chánh trong phim cơ hồ hạn-hữu, mà đóng

những vai phụ cũng không phải đại đa. Một vài tên « Nam thì mười họa » thảng chững trên màn ảnh, đại-biểu một cách e-lệ như gái mới về nhà chồng, cho mỹ-thuật nước nhà Tuần lễ qua, một sự tình cờ đưa tôi tới rạp Ciné Sébastopol coi phim « Les pirates du rail », trong đó nhà giàn cảnh dựng-ý mô tả cái quan niệm về bốn phần, về hi-sinh của viên Giám-Độc đường hỏa-xa Đông-Dương về Vân-Nam làm cho mục-kích cái hiện-tượng rất phức-tạp của Chánh-Phủ Trung-Hoa, một Chánh-Phủ hèn-yếu, mâu thuẫn, không tài cán bảo-lãnh nổi cho mình và cho dân-chúng. Giặc cướp nhờ đó mà nổi dậy khắp nơi, tung hoành mặc sức. Sự cai-trị bất-lực đến nỗi một tay tướng cướp cũng đủ sức đánh đuổi quan quân, chiếm cứ địa-vị Chủ tỉnh. Một phim hát rất tầm thường, về giàn-cảnh cũng như về tài-tử Von Stroheim mà ai cũng công nhận là một tài-tử có tên tuổi thủ vai tướng cướp Tàu, điệu bộ chẳng Tàu chút nào cả. Tôi nhận thấy phản đồng tài-tử người Âu, mỗi khi đóng vai Tàu, họ cứ giữ « tật » phản người Tàu, điệu-bộ bí-mật, hiểm-hóc, giả-dối sỗ-xiêu. Lối tả chân-độc-ác, làm quảng cáo xấu cho cả một dân-tộc!

Người Đồng-Bang của chúng ta tên Kỳ-Duyên đóng vai Thư-Ký công-ty xe lửa, một vai phụ-thuộc.

Tuy nhiên, tên anh thường biểu-hiện trên màn ảnh Pháp khiến tôi nhớ tới anh và muốn phỏng-vấn.

Ngày giờ và nơi hội-kiến : 5 giờ chiều ngày thứ sáu 28 tây tại Nhà Hàng « Le Triomphe » đường Champs-Élysées.

« Đúng hẹn là lễ-phép của đế vương » mà cũng là lễ phép của những nhà tài-tử. Đúng 5 giờ, Kỳ-Duyên tới. Mới đầu tôi nhận không ra là vì Kỳ-Duyên ở trong màn-ảnh chỉ là một anh chàng « thiếu-ăn » còn Kỳ-Duyên tôi gặp đây giống hệt một lãnh-tu « Chợ-Đen ». Nói nôm na nghĩa là tôi thấy anh mập mạp hơn trên màn ảnh. Mặt mũi khôi ngô, lễ tự nhiên! trán dô hói, vừa tầm thước, cặp mắt đen lạnh lợi

quỉ-quái vẫn dấu nét mơ-màng của Á-Đông. Tóc đen lóng, lông mày rậm, cằm nhọn, áo quần bánh-bao. Có lẽ vì anh khoác « canadienne » lông cừu cho nên tôi ngộ-nhận anh ăn uống đầy đủ?

Đối diện nhau trên bàn trong một góc phòng, tôi bắt đầu hỏi chuyện anh bằng tiếng mẹ đẻ, nhưng anh xin lỗi muốn tiếp bằng tiếng Pháp, vì một lẽ rất thường là vì anh sống chung với người Pháp rất lâu năm, lúc này nói tiếng Annam buộc anh phải kiểm chữ kiểm câu một ốc.

Chiều theo ý anh chúng tôi trao đổi nhau bằng Pháp-văn, tôi tự phụ nói đã khá, mà anh lại còn sành-sỏi hơn nhiều. Cuộc phỏng vấn sau đây, tôi phiên dịch đại-ý vì trong 45 phút đồng hồ Kỳ-Duyên đã cho tôi hay nhiều điều ích lợi.

— Anh qua Pháp hồi nào, và qua làm gì?

— Vào quăng năm 1925 tôi qua Pháp du-học. Tôi gốc ở Bắcliên cha tôi tính tôi qua học luật, nhưng chí nguyện của tôi là chiếm một địa vị ở kịch trường; tôi thích đọc những vở kịch của Molière, Racine, Voltaire, Corneille hơn là vùi đầu vào Pháp-luật, tẻ-ngắt lạnh-lùng!

— Anh có diễn kịch trước khi hát bóng sao?

— Phải, bắt đầu tôi học hát. Từ năm 1932 tôi thọ giáo với Charles Dullin, đương-kim Giám-Độc nhà hát Sarah Bernhardt tôi cùng một khoa với Jean-Louis Barrault và một người Nhật; người Nhật này dụng-công học tới cội gốc văn-chương, mỹ-thuật của kịch-giới Pháp, và cả tới nghề dàn-cảnh, cách tổ-chức văn-văn? Nói tóm lại anh ta muốn nghiên-cứu

đủ mọi phương diện. Trong ba năm tới lui trên sân-khấu rạp « Aux Capucines » tôi « chơi » trong những vở trình thám. Sau qua rạp « Vieux-Colombier » tôi thủ một vai chánh trong tuồng « Appartement de Zorika » với Henri Rolland, Alcover và Genia.

— Tại sao anh nhảy qua hát bóng?

— Sân-khấu với màn-ảnh khai chiến, cuộc thắng trận về phần ai, anh cũng đủ hiểu; Nghề không nuôi nổi người thì người phải thay nghề. Lễ sinh tồn ở đời là thế. Bắt đầu năm 1935, tôi ký giấy giao-kèo hát bóng. Thu thật với anh là cuộc thay đổi này đã đem lại cho tôi nhiều điều thất-vọng. Thất-vọng vì sân-khấu với màn-ảnh khác nhau như mặt trăng, mặt trời.



Nhiều ngu dốt tưởng mình hát kịch giỏi thì hát bóng hay là lắm. Muốn thành một tài tử hát bóng cũng phải dày công chau rùi nghệ-thuật nghĩa là phải có thầy có học và — lẽ tự nhiên — phải có tài. Người ta không có thể thành tài-tử dễ-dàng, cũng như anh làm báo, anh mất công-phu lý-thuyết và thực-hành.

— Sao anh có thể cho tôi biết những phim anh đã đóng không?

O' Pháp tôi đã đóng trong những phim này : Drôle de drame, Dame de Malacca, và les Pirates du Rail, những phim đã quá xưa rồi, « trước chiến tranh » cả. Năm 1938 tôi có qua ý, ký giấy chơi ba phim, nhưng vì cuộc chiến tranh cho nên chỉ làm được có một phim thôi. Năm 1939 tôi phải ra lính, đầu năm 1940 tôi bị thất vì bệnh nặng. Dường bệnh hết một năm tròn, khi khỏe mạnh rồi, tôi quay trong những phim Tania, Mahlia la Métisse và Voyage sans espoir.

— Hiện thời anh có giao-kèo không?

— Có chứ, chính Maurice Canonge giao cho tôi một địa-vị khá quan-trọng trong việc giàn-cảnh của y. Ngoài ra tôi sẽ chơi trong phim Trinh-thám của Delacroix, nhan đề là « L'assassin n'est pas coupable ». Còn nhiều phim khác dự-định quay...

— Anh có thể cho tôi biết ý-kiến anh về tương-lai sân-khấu và màn-ảnh Việt-Nam ra sao không?

— Theo tôi, hát bội, hát cải-lương, còn cần phải cải-lương nhiều nữa. Điều thứ nhứt mình thiếu cái chìa-

khóa cần-dùng : những tác-giả kịch. Rồi tới mỹ-thuật cũng hiếm nhân-tài, còn trong làng kịch thì than ôi! manh ai nấy lo, cách tổ chức, giáo-dục cơ hồ không có, hoặc có cũng như không. Điều thứ là thiếu « Bầu gánh » triệu phú, còn công-ti cổ phần thiếu người cặng-đáng, đủ tài liệu khiên. Nói tới tương-lai sân-khấu của mình đã là một quan-ngại, nói tới tương-lai màn-ảnh Việt-Nam, tôi e là hơi sớm. Dù sao, tôi vẫn hi-vọng có ngày đem cái sở-học kinh nghiệm của mình ra giúp cho kịch giới mình trong muôn một được...

Kỳ-Duyệt dốt thuốc hút, phà khói, mơ-màng. Tương-lai mờ-mịt tan theo làn khói, tôi bâng-khuâng.

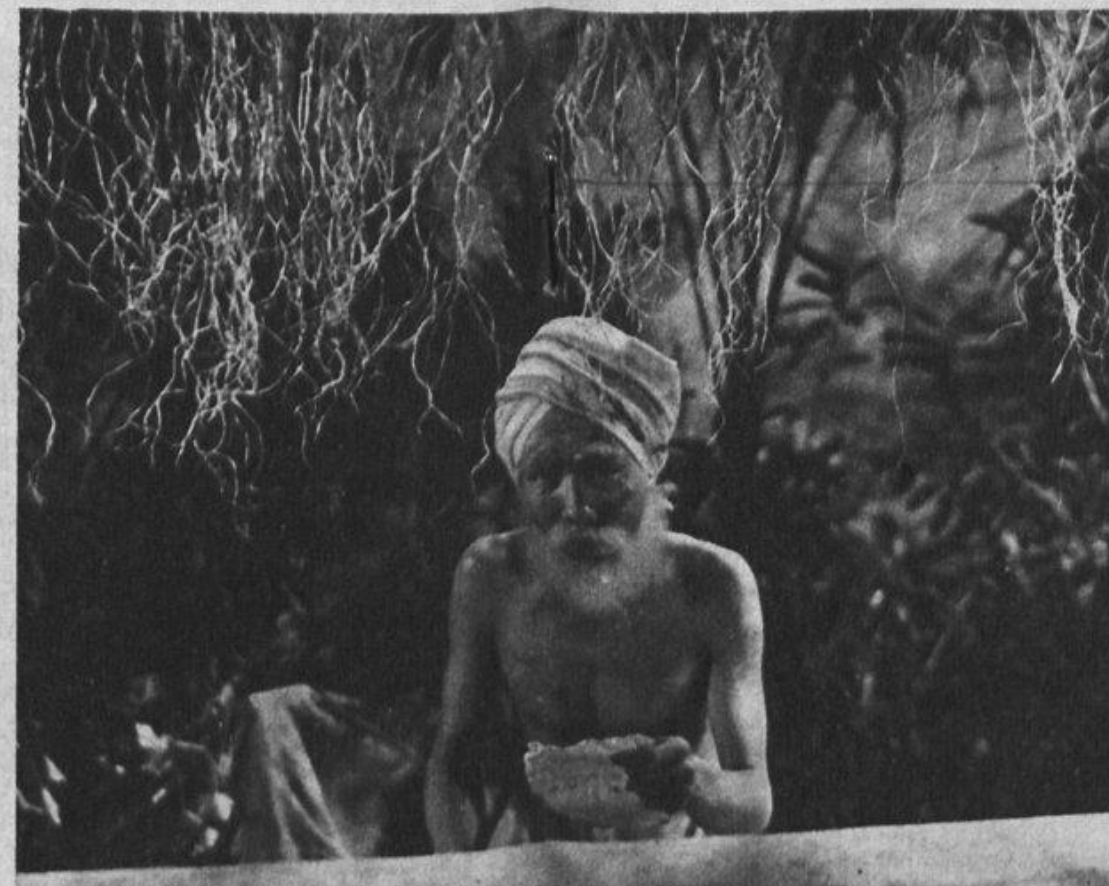
Biết tôi đoán rõ ý nghĩ của anh, anh nói tiếp :

— Ôi thôi! hơi đầu nghĩ chuyện đàng giải, bực trí-giá sống ở hiện-tại, còn tương-lai, tương-lai nào phải của mình?

— Anh tự dối mình? Anh bao nhiêu tuổi?

— Hơn ba chục tuổi.

— Tôi tưởng anh trẻ hơn.



— Tôi vẫn trẻ là vì tôi không lưu-ý tới những tiểu-kỷ, những ghen-ghét của đời. Với bạn hữu, tôi đặt tình-nghĩa lên trên những điều siểm-nịnh, tôi không muốn nghe những chuyện giông-giải. Vì thế, những cái lưỡi « xấu » cho tôi là gần đỡ. Đây một thí-dụ, hai người gặp nhau vắn-đáp :

— Anh yêu người Pháp không?

— Không.

— Anh yêu người Đức không?

— Cũng không?

— Chắc anh yêu người Mỹ?

— Không nữa.

Hay anh yêu người Tàu?

— Cũng không nổi.

— Có lẽ anh chán đời, anh không yêu ai cả.

— Có chứ, tôi yêu các bạn thân.

Tôi tức là người đó, tôi là một tài-tử quốc-tế, tôi yêu nghệ và yêu những bạn thân, không phản nôi giống

Nhớ lại lúc mới gặp nhau, Kỳ-Duyệt cho tôi biết trước là anh không thích nói về chính-trị. Tôi cười và cho anh hay là tôi cũng như anh.

Cuộc phiông-văn của tôi chỉ có tính-cách mỹ-thuật, ngụ ý giúp độc-giá Công-Bình biết rõ lai lịch tài-tử Việt-Nam, cũng như tôi lần lượt sẽ đem tên tuổi những danh-nhân của ta ở Pháp ra trình diện bà con, trong giới khoa-học văn, chương và mỹ-thuật.

Hỏi chuyện anh cũng hơi lâu-thời giờ vốn là tiền bạc nhứt là đối với tài-tử — tôi phải cắt ngang câu chuyện, vội hỏi sơ qua đời tư của anh :

— Anh có vợ chưa?

— Rồi, vợ tôi là họa-sĩ.

— Anh có thể cho tôi biết được cuộc tình-duyên đó có chỗ nào tiểu-thuyết hay là phi-thường chăng?

— Rất tầm-thường, không có gì đáng kể.

Mặc giàu, hai chữ Kỳ-Duyệt làm tôi hồi tưởng lại tới Vua Hán mộng Chiêu-Quần, và nhứt là Tô-Vũ lấy dưới-uối, Kỳ-Duyệt, Kỳ-Duyệt.

Trước khi chia tay, anh còn cho tôi hay là anh không thích Paris náo-nhiệt phồn-hoa cho nên anh muốn nhá ở ngoài châu thành. Clamart vừa là tổ uyên-ương vừa là « xiềng » của họa-sĩ vợ anh, tịch-mịch êm-đềm, hợp với tánh hiền-tĩnh của Kỳ-Duyệt, cũng như với đại-da dân châu Á.

Biết nhau rồi tôi còn nhìn theo người bạn đồng-hương lao mình vào trong xã-hội tranh-đấu, sống cái đời nghệ-sĩ bấp-bènh mơ-mộng... tôi cũng mơ-mộng...

PHONG-VIÊN.

VƯỜN BACH THỦ

Vincennes

Một buổi chiều mùa đông nắng, ráo, quang cảnh vườn bách thú Vincennes có vẻ tấp nập, kẻ ra người vào đông như ngày hội.

Nguyên năm 1934, ông Delancour, hội viên của Vạn-Vật Bảo-Tàng Hội mang súc vật tự bên An-Độ về Pháp, rồi từ đó đến nay người ta đã lập ra thành một cái vườn Bách thú mà trong đó có nhiều thú vật ta chưa từng trông thấy bao giờ.

Về loài cầm thú cùng loài thủy tộc tìm kiếm ở các nơi đem lại (phần nhiều ở Phi-Châu và Mỹ-Châu) nuôi trong các chuồng, hoặc cũi bằng sắt, ao, hồ, khe đá cũng tương tự như những vườn Bách thú Hanôï, Saigon, nhưng ở đây người ta còn đào hào, rãnh chứa nước xung quanh núi đá, ngăn ngừa những thú dữ thả lỏng để không nguy hiểm đến người xem, Trong các hang núi đó dùng cho các thú vật ẩn mình trong khi mùa, tuyết. Các hòn núi to bên trong có hầm, có lò sưởi, có chuồng nuôi súc-vật rúc sắt, những khách du vào xem, thường phải ăn tạm, mỗi khi có mùa to, gió lớn bất kỳ...

Ở khoảng giữa, có một núi đá xây cao ngất, bên trong có đục con đường thông thiên đi lên, xuống bằng trục máy hoặc trèo bằng bậc đá. Đứng trên đỉnh núi trông xuống thấy khắp được cả cái vườn Bách-thú bao la, to rộng, rõ rệt một cảnh «non bộ» không lồ mà người ta đã khéo tay tô điểm: chỗ này vài hòn núi tí-hon xung quanh súc-vật chạy, bốn lãng xãng; nơi kia mấy cái cù-lao ở giữa những ao, hồ nhỏ Xìu bên cạnh cây cối xum xoe, chim chóc riú rít bên cạnh, Dưới nước vịt, ngỗng, cùng loài thủy tộc đua nhau bơi lội, bì-bắm, Rồi, xen với những tiếng người nói lao xao, tiếng hồ gấm, voi rống và tiếng rít của đàn khí lùa nhau trong kẽ đá...

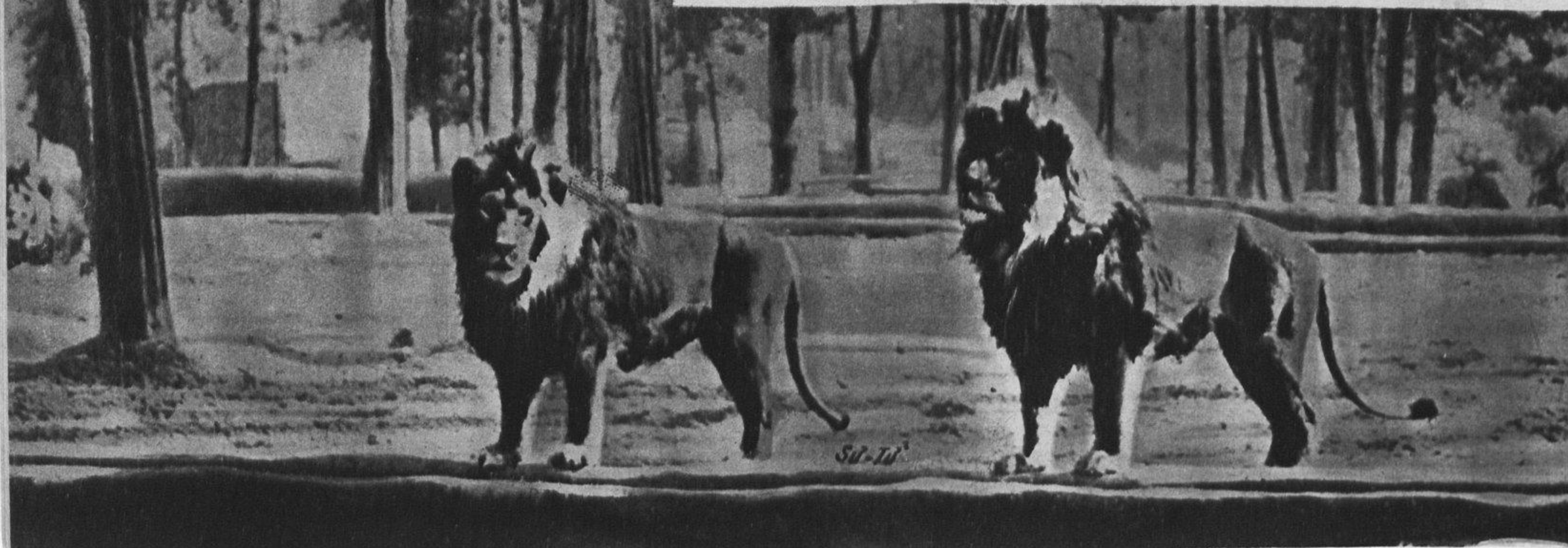
Về công trình nuôi các súc-vật kẻ cũng công phu, bởi vậy ngoài sự chăm nom theo Khoa học, vệ sanh, lại còn phải biết chiều theo từng tính của mỗi loài, ở đây súc vật cần tắm bỏ nhiều hơn ở chốn sơn lâm, mỗi ngày riêng về loài khỉ vườn đã phải tiêu thụ hết chừng 200 ki-lô khoai tây; có loài phải cần đến dầu cá thu; có loài ưa ăn trứng; có loài thích hoa quả; có loài ham ăn thịt sống; có loài hay ăn cá tươi. v.v. ...

Vì vậy nên phải có phòng thí-nghiệm phân chất các món ăn cho hợp với từng loài một.

Đàng cuối vườn có nhà bảo chế, có sở thú-y, có buồng mổ xẻ, buồng giấy, nhà bếp v.v. ... Xung quanh Vườn Xây tường cao, và chu vi đo được hơn 16.000, thước vuông.

Mục đích lập ra vườn Bách-thú không những để sưu tầm các thú vật lạ kỳ trên thế giới để cho khách du đến ngoạn thưởng mà còn mong khảo cứu cho rộng về các khoa cách trí, y-học, v.v. ...

K.-C.

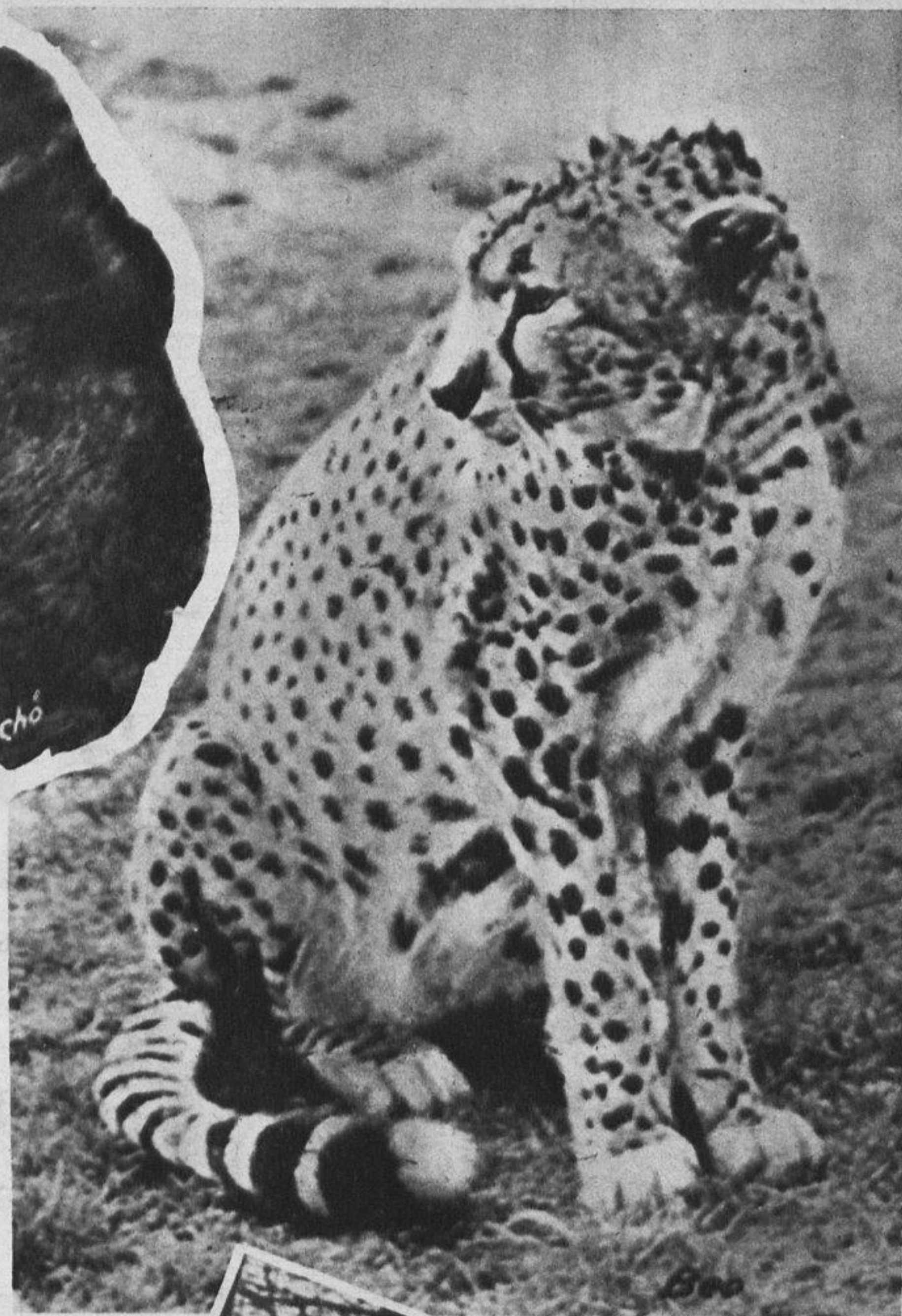




Lạc đà gấm



Gấu chó



Cá da ngựa



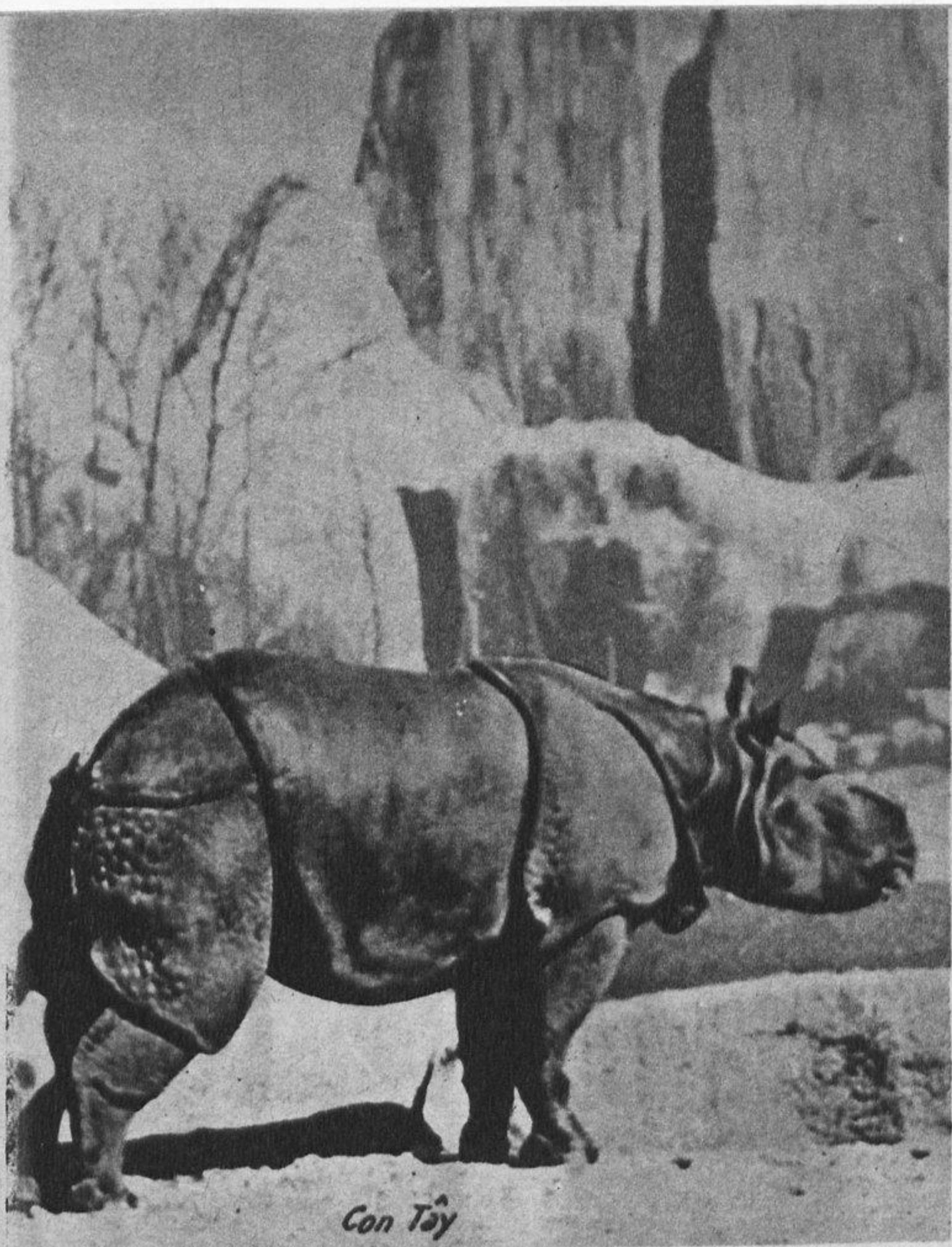
Trâu Nước



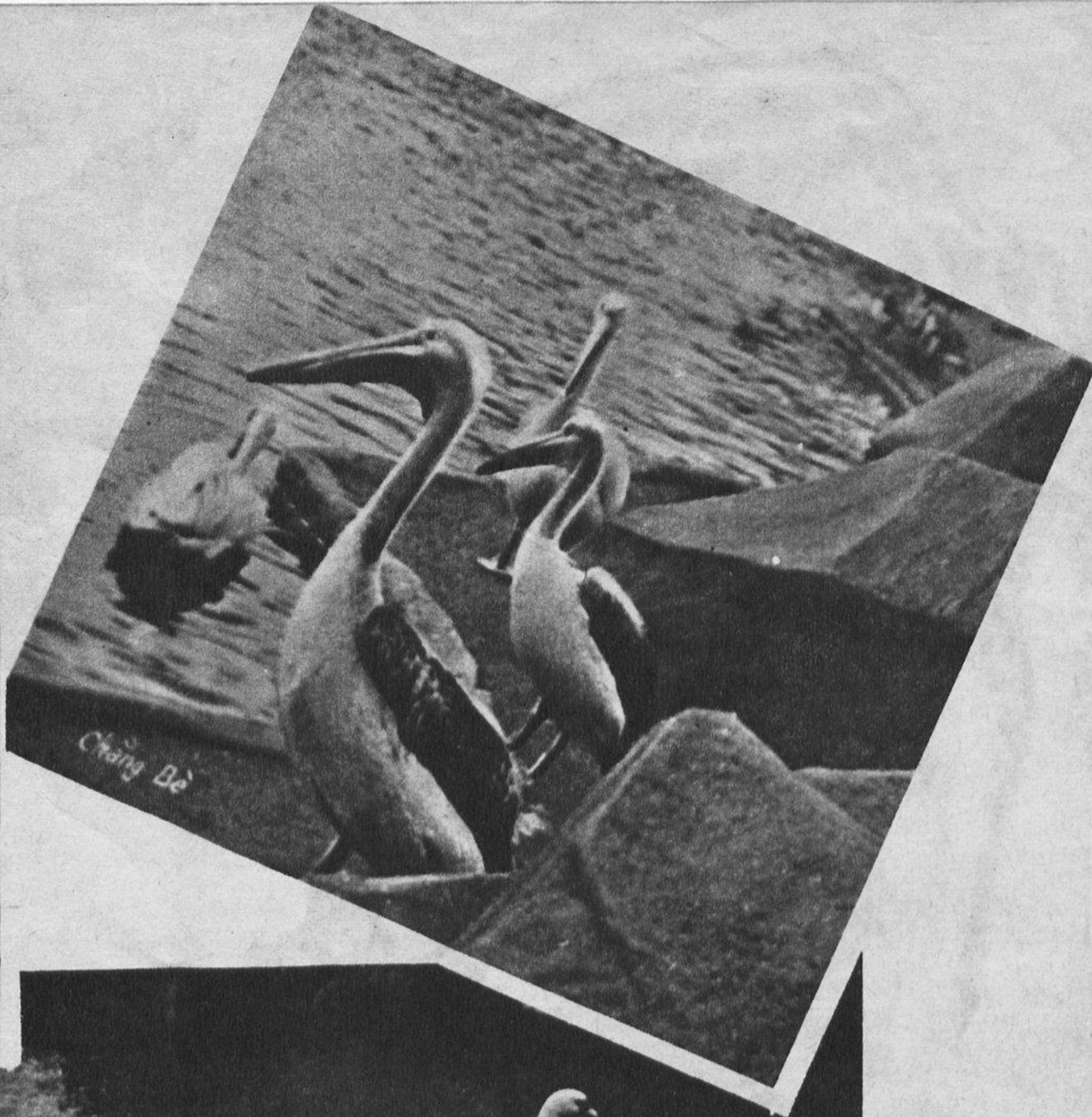
Hươu rừng



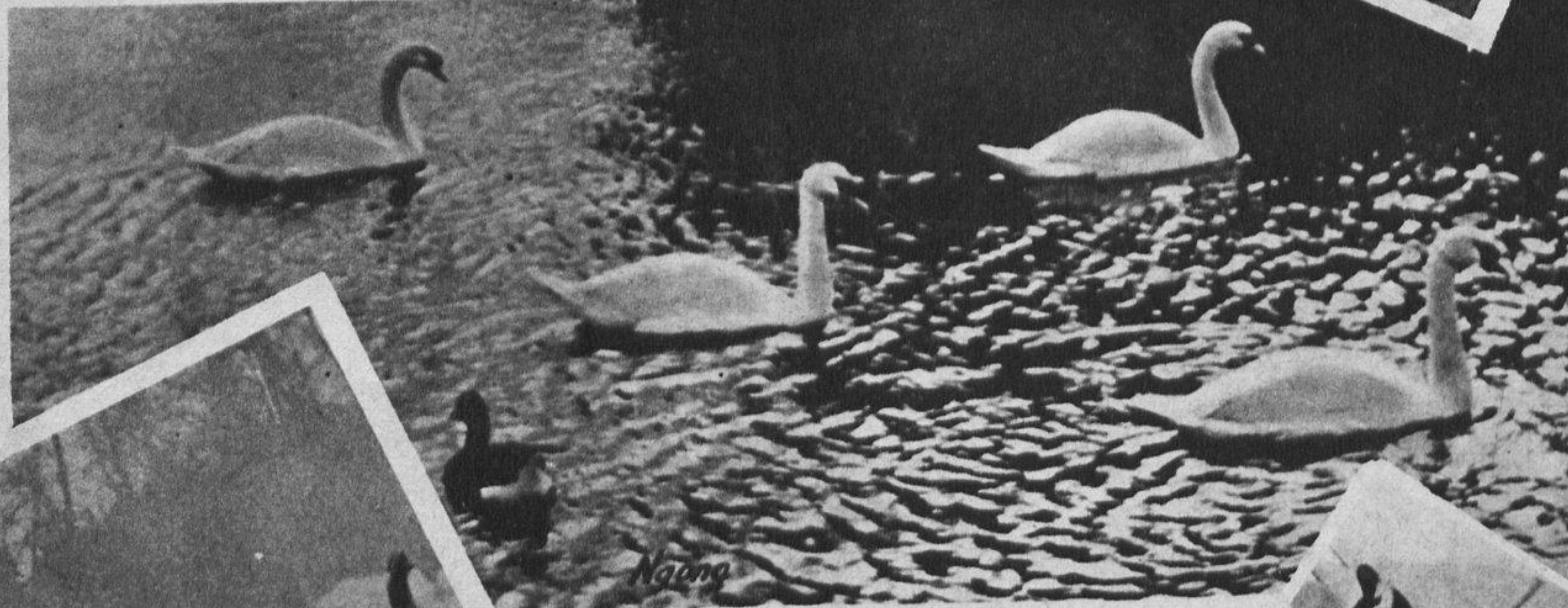
Ngựa Rắn



Con Tây



Chang Bè



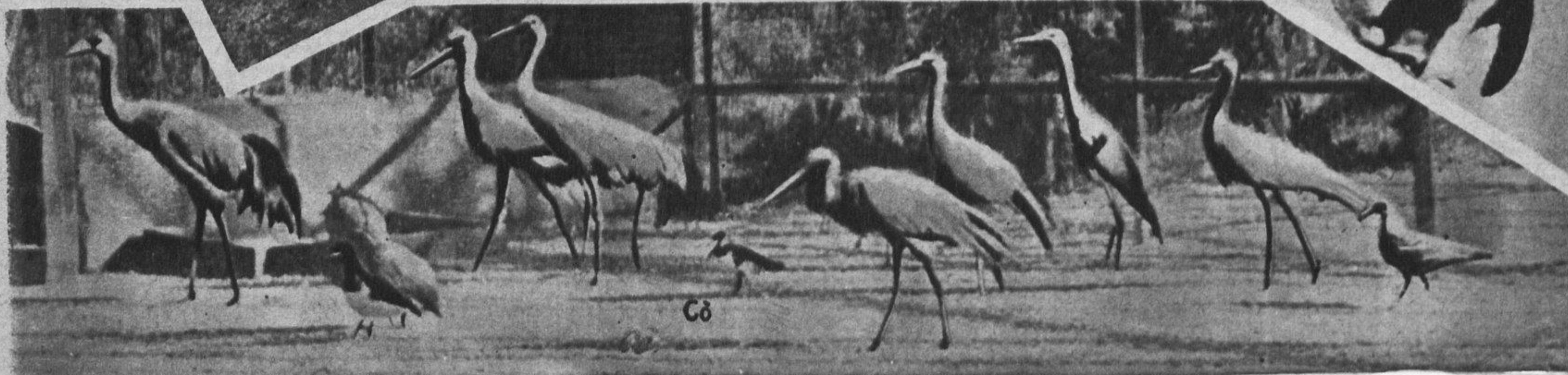
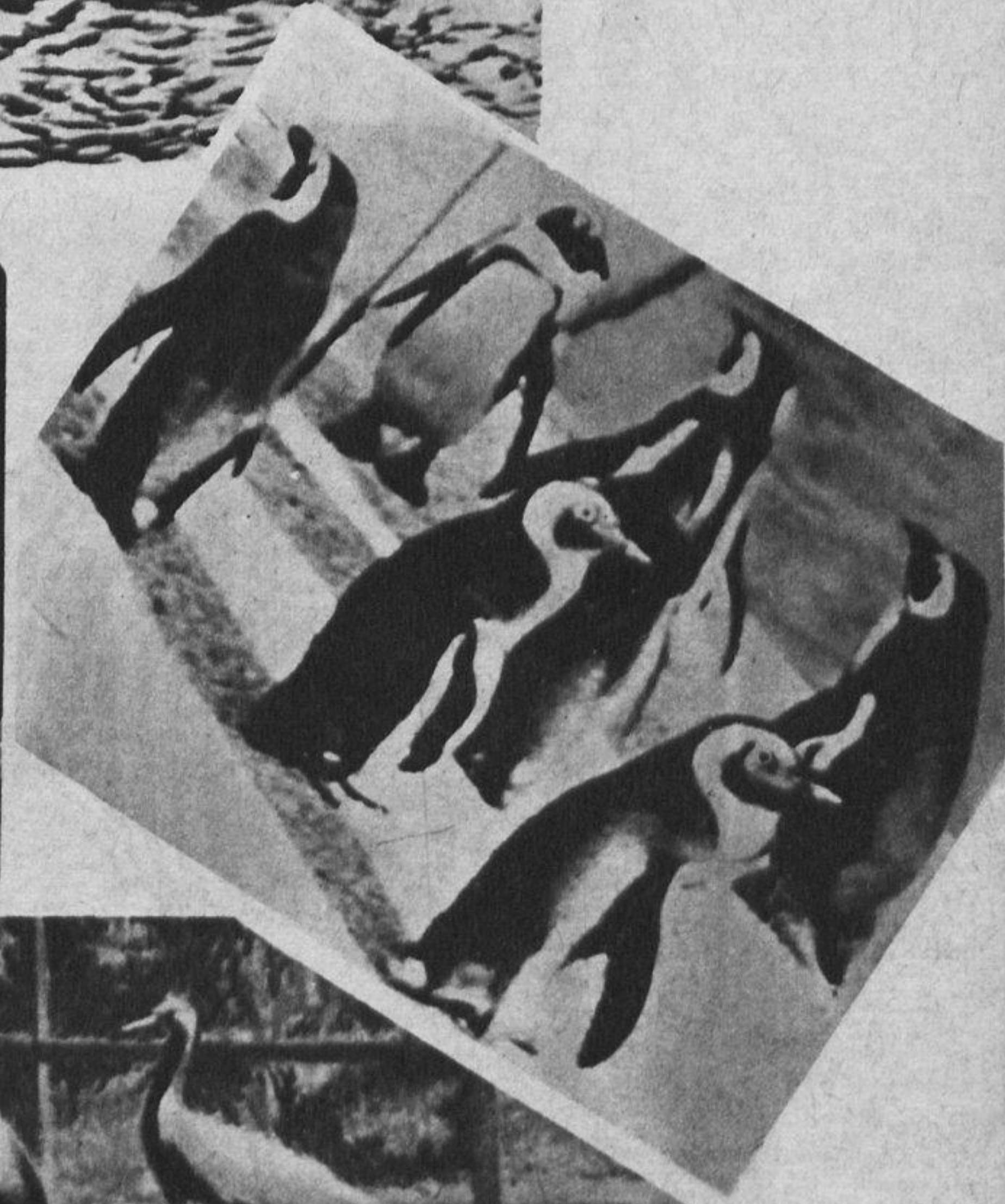
Nàng



Voi



Cop



Cò

Giải Kiều

CHUYỆN Kiều phổ thông hơn hết ở nước ta, nên chỉ từ bậc văn-nhân, khuê các đến bình-dân, phụ nữ thấy đều ham đọc chuyện kiều.

Van Kiều không những nghe du-dương, trăm bóng mà lời lẽ không thừa; mỗi đoạn đều mô-tả rạch ròi, đoạn buồn đọc lên nghe hình như có điệu âm-thầm; và não nùng, ai-oán; đoạn vui đọc lên như thánh-thót, hân-hoan; đoạn tả cảnh hoặc người đọc lên như được trông thấy một bức tranh vẽ kín đáo của nhà họa-sĩ lành nghề. . .

như bốn câu văn tả người :

Thúy-Vân « *Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.* »

Nói về Thúy-Vân : trang trọng, đầy đặn, nở nang, đoan trang. Cười như hoa, nói như ngọc, tóc như mây, da tuyết. Đó là tám tranh đẹp rực rỡ, nhưng cái đẹp này chỉ có vẻ hình thức mà không có vẻ tinh thần; vì suốt cả đoạn chỉ tả sắc mà không tả vẻ tài.

GIẢI NGHĨA : *Khuôn trăng* : hình mặt đầy đặn như hình mặt trăng tròn trặn.

Nét ngài : lông mày nở nang như con ngài nằm trên mi mắt.

Hoa cười ngọc thốt : Cười tươi như hoa, nói sang sảng như ngọc.

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da : tóc mượt đến mây cũng không bằng và da trắng đến tuyết cũng phải kém.

Đoạn này tác-giả đã dùng chữ để so sánh tả người rất khéo, mặc dầu cái dư ý còn muốn để dành tả tài và sắc nàng Kiều là vai chính trong chuyện nhiều hơn.

H.



Phòng triển lãm

THOẠT mới bước lên khỏi lầu tôi cảm thấy có vẻ Mỹ-thuật đông-dương mà điểm thêm màu thi vị.

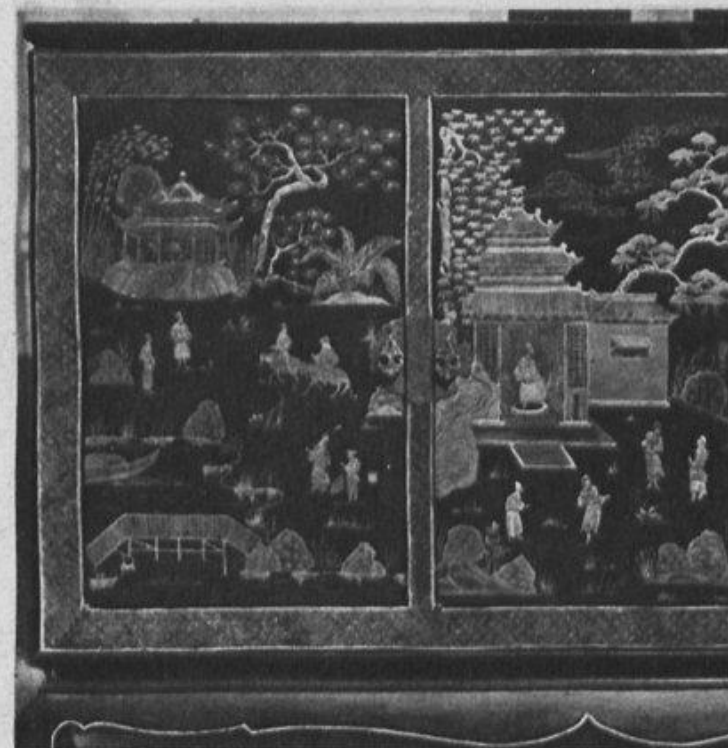
Giữa phòng kê chiếc bàn tròn, xung quanh để ghế bành tiếp khách. cạnh tường kê mấy chiếc tủ chè, và khay cổ Van-Dinh đã dày công luyện tập trong nghề sơn vẽ những bức tranh cổ Á-Đông.

Trước khi ngồi xuống ghế, nhà họa-sĩ Phạm-Chu đã nhanh nhẩu giới thiệu tôi cùng một nhà nữ hóa-sĩ đến đây để bán hàng và ông Nguyễn Huyền là người hùn vốn với hai ông Van-Dinh và Phạm-Chu trông coi về việc giao thiệp với khách hàng.

Liếc mắt trông qua mấy bức vẽ trên lụa, lồng kính trong những khung ảnh, tôi phải khâm phục cái tài hoa của nhà họa-sĩ Phạm-Chu. Những bức ảnh như bức "Xuân-vẻ" rất khéo làm tôi mường tượng như thấy một cô thiếu nữ Hà-Thành đang nhảy nhót vui cười đi hái hoa lộc trong ngày Nguyên-đán và bức vẽ "Nhớ-Nhung" như làm tôi sực tưởng đến những cô gái lỡ thời ra ngồi bờ sông vị-thúy buồn bã ngắm bóng trăng rằm tháng tám giữa lúc mà các nam thanh, nữ lịch đang vui đùa với tuổi xuân đương độ!...

Khi ra về tôi như mơ hồ quyến rũ bởi tâm hồn trở lại nơi quê nhà xứ sở. Tôi có mượn mấy bức hình đang trong báo Công-binh số này để anh em rõ tài nghệ của hai ông Van-Dinh và Phạm-Chu đã tốn bao công của mới gây dựng nên phòng triển-lãm ngày nay tại Kinh-dô nước Pháp.

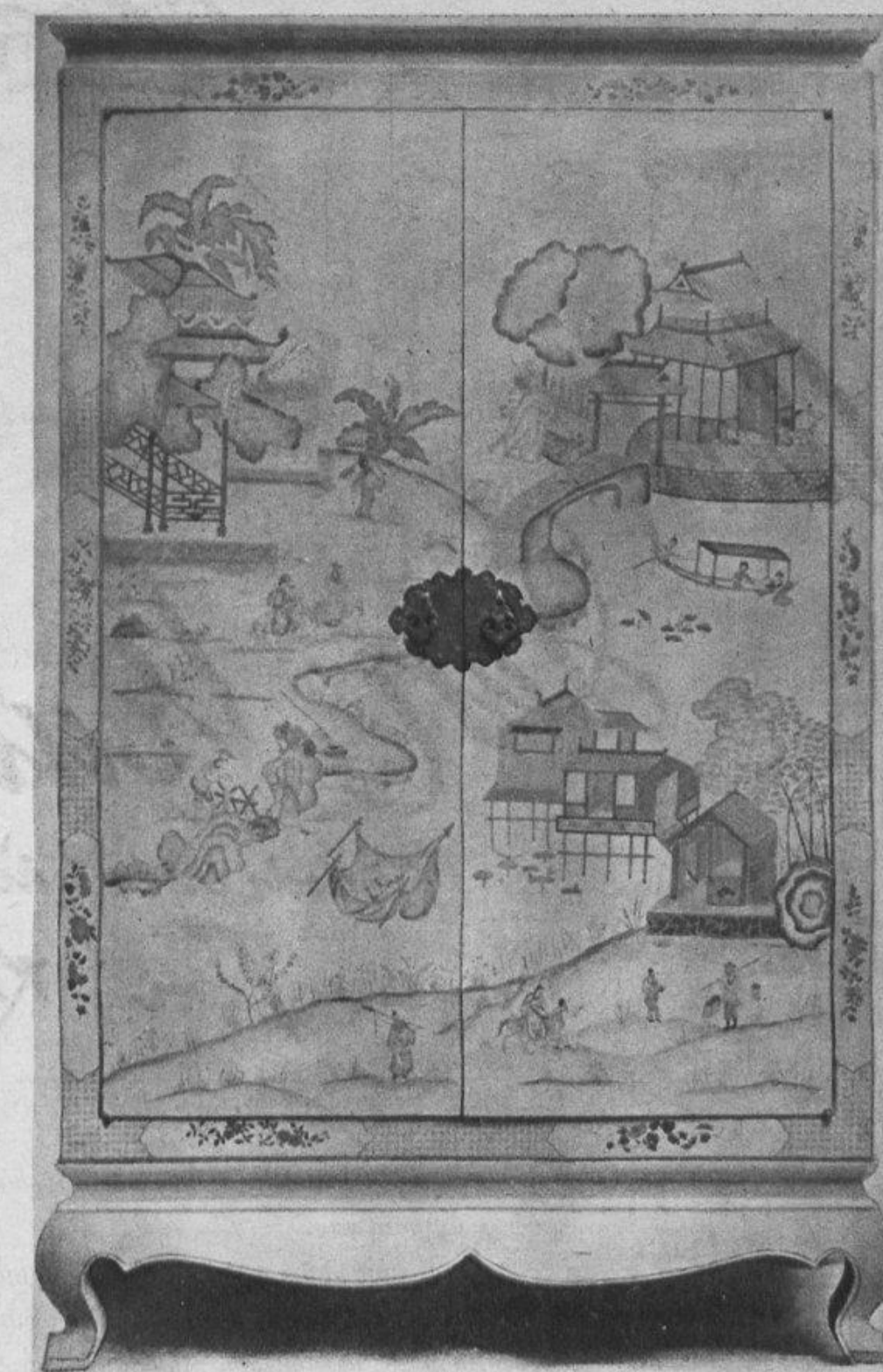
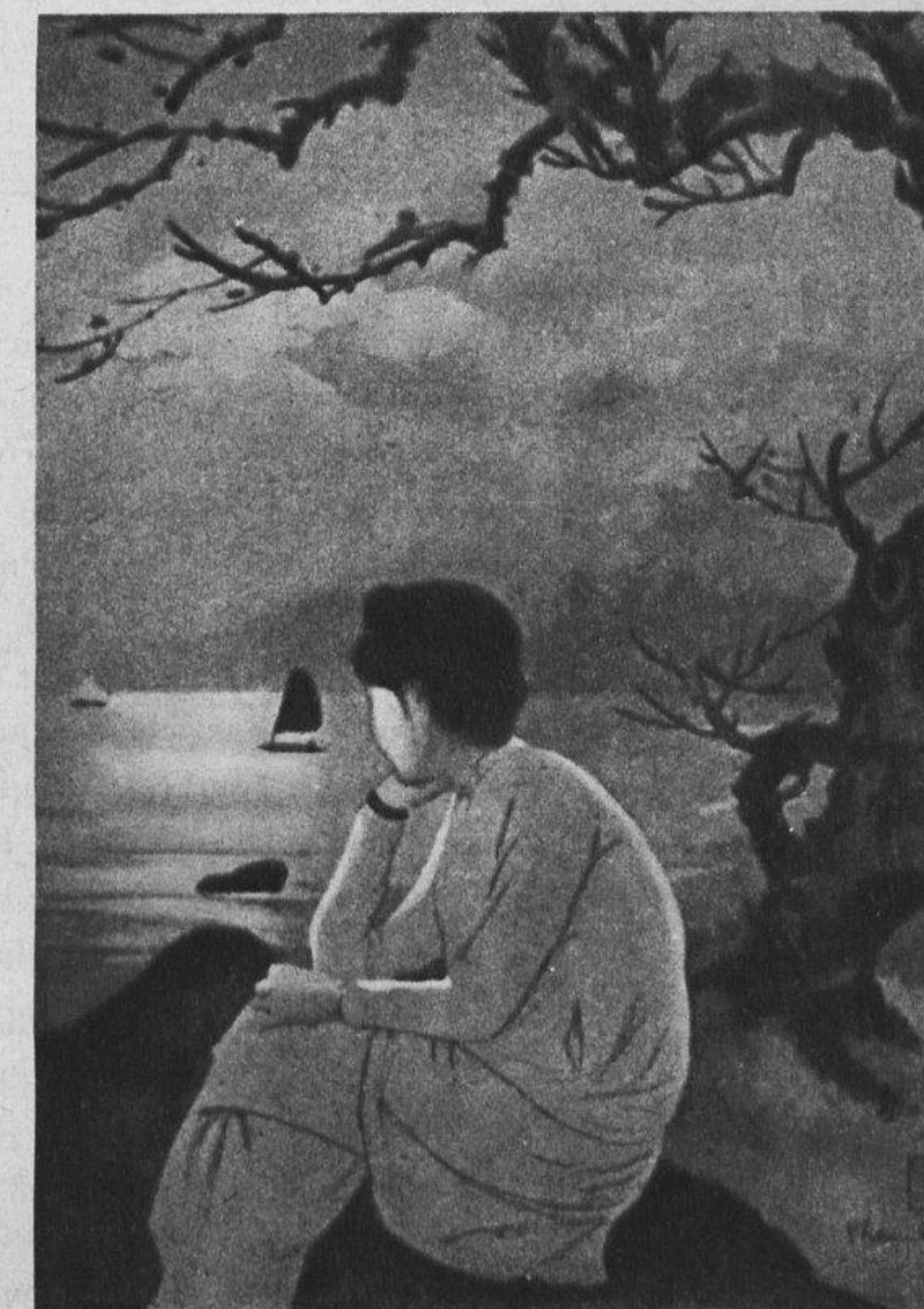
K. C.



của Họa-sĩ Phạm-Chu

họa do nhà thợ vẽ

giúp vào công cuộc





Ông Luigi Pirandello là một nhà văn-hào nước Ý. Ông sinh ở tỉnh Agrigento ở đảo Sicile năm 1867, mất được mấy năm nay.

Ông tin rằng những tư-tưởng, tình-tình, ý-nhĩ của mình là cái hư-không cả, là đều bởi cái ảnh-hưởng ở ngoài vào. Cái bản-tướng chân-tâm của mình là ở xã-hội làm nên, đời mộng-tưởng là đời thực, đời thực tưởng là đời mộng, giả làm thực, thực làm giả...

Truyện Ánh đèn trước cửa sau đây là truyện cái ảo-Vọng của lòng người, dùng núi này trông núi nọ, đêm ngày mong muốn cái hảo-huyền mà không biết là mình mong muốn cái gì, tức là cái tính phan-viên của nhà Phật vậy, Ối! vì thế mới mong cái côi bờ kia, cái ánh đèn trước cửa... Nhà văn-hào Ý Gabriele d'Annunzio nói rằng: « Sự vui là bên bờ kia », ầu cũng là cái ý đó.

T. K.

Hôm ấy là một buổi chiều chúa-nhật đi chơi; về. Tullio Butti đã thuê được cái buồng chừng hai tháng nay. Máy người chủ nhà, bà cụ Bianchi, một người ở già lỏi cổ, với người con gái Clotildina đã có tuổi, chàng ta không gặp mặt bao giờ; cứ sớm sớm đi tới tới về; chàng ta làm ở bộ Hình; có danh là thầy kiện; máy người chủ nhà chỉ biết có thể thôi.

Cái buồng con chật hẹp, đồ đạc xoàng, tường chừng như không có người ở. Tưởng như chàng định-tâm ở đây như người khách ở trọ ở trọ Trong tủ quần áo treo xếp cẩn-thận; nhưng ngoài ra ở trên tường, trên tủ các bàn ghế đồ-đạc, không có cái hộp, quyển sách, tấm ảnh gì hết; trên bàn không hề bao giờ có cái phong-bì rách hay tờ nhật-trình mở; trên ghế cũng không có cái cùn, chiếc cá-vát bỏ quên, để cho người ta biết cái buồng này là có người ở, là chỗ chàng ta ở.

Mẹ con bà Bianchi lo ông khách này không ở được lâu-bền trường-cửu. Buồng khó-hăn mãi mới có người thuê. Người đến xem thì nhiều, nhưng thuê

thực ra thì chẳng có ai. Cái buồng cũng bất-tiện, buồng tối, có một cái cửa sổ độc nhìn xuống một cái ngõ hẻm; không có ánh sáng, không có khí trời, bị cái nhà trước cửa án như bức bình-phong trước mắt vậy.

Mẹ con bà cụ muốn chiều ông khách quý, bấy lâu mong đợi mãi, nghĩ ra ý-tứ nhả-nhận từng tí: trong khi đợi cho thuê được vốn hàng tưởng-tượng: « này ta làm cái này... ta nói câu này... vãn... vãn », nhất là người con gái Clotildina đã nghĩ ra nhiều cách chiều chuộng, lễ-phép, nhưng mà tự nhiên chứ không lời thôi bặt-bị cho người khách thuê nhá.

Nhưng, than ôi! chẳng bao giờ gặp ông khách quý kia cả. Mẹ con nếu biết ra thì đã hiểu rằng chẳng có gì đáng lo ngại cả. Vì cái buồng chật hẹp, buồn tối ấy, bị cái nhà trước mặt dè-át đi kia, lại hợp với tính-tình anh chàng ta.

Ở ngoài phố, Tullio Butti thường đi một mình, cũng chẳng có điều gì-gà với cái can là bạn của kẻ cô-độc. Hai tay bỏ vào trong túi áo ba-đờ-xuy, mặt cúi xuống đất,

mày cau lại, mũ xụp xuống mũi. hình như chàng ta đêm ngày nuôi một mối căm-giận gì thâm-cay lắm với đời.

Ở sở thì chàng không nói năng với ai một lời. Cũng chẳng ai gặp đi café bao giờ, thường lại lánh những phố đông nhười, có đèn sáng; để đi vào những phố vắng quanh-hiu bên trên tỉnh, tránh những chỗ tường để xa cái ánh đèn tròn tròn rọi xuống trên thềm đường cái.

Chẳng ai bắt được chàng cử-dộng cái gì dầu vô-tình đi nữa, nhãn mặt cau mày, vẻ mặt bộ mặt cho người ta đoán được sự chàng suy-nghĩ; sự âu-sầu cô-hận đó nó in cả ra hết ở bộ mặt tiêu-tụy. Cái cảnh tan-hoang thâm-thương trong tính-tình thật nó về ra ở con mắt đăm-đăm hai-hùng, áy-náy ở vẻ mặt xanh-còm ở bộ râu phò sớm bạc.

Tullio Butti chẳng thro tư với ai, chẳng viết thư cho ai mà cũng chẳng ai viết thư cho mình; đến nhật-trình cũng không thấy đọc; ngoài phố có sự gì lạ sẩy ra khiến cho người ta xúm đông lại cũng chẳng dừng chân quay cổ lại, dầu bóng cò mưa cũng đi từ bước như thường, hình như không biết gì cả.

Chàng ta làm chi ở đời, không ai biết. Có lẽ chàng ta cũng không biết mình làm chi ở đời. Chẳng qua là chịu cái thân ở đời... Hoặc là cái thân đó có thể chịu cách khác được, hay sống một cách khác cho nó nhẹ bớt cái nỗi buồn-sầu ở đời thì chàng ta không hề từ-ơng-tượng đến.

Chàng ta không biết cái tuổi thơ-ấu, niên-thiếu là gì ở cái cảnh gia-đình của người cha tàn-ác đã làm chết trong lòng những mầm ái-sinh từ thuở còn thơ-ngây chứng nước vậy.

Người mẹ bị chồng tàn-ác, đánh-đập mất sớm, gia-đình tan-tác : một người chị đi tu, một người anh đi Mỹ, chàng ta cũng bỏ nhà, đi lũng-bông mãi tứ-phương tứ-công-phu mới làm nên được chút đỉnh.

Chàng ta cũng không đau đớn nữa; trông tưởng là đau-đớn, nhưng kỳ-thực cái bụng biết đau-đớn cũng đã chết đi rồi. Trông tưởng như là trầm-ngâm trong những ý-nghĩ thâm-thương, nhưng thực ra chàng cũng không nghĩ gì cả. Chỉ hình như trí dầm-đuối trong một cái sự khúng-khiếp vô-hạn mà chàng ta trong thức-tâm cũng không biết là chi. Biết chẳng là bởi thấy đấng trong cổ họng như ngậm bồ-hồn. Những khi chiều đi quanh những phố vắng, chàng ta đếm những cây đèn ở ngoài phố, hay nhìn cái bóng mình, hay nghe tiếng giầy của mình, họa cũng đứng lại trước những cái vườn, các nhà villa, ngắm những cây cypres tối-tăm như mình, tối-tăm như cái đêm tối vậy.

Hôm chùa-nhật đó, chàng ta đi chơi ở con đường Appia về, trái với mọi bữa, chàng ta lại về sớm. Giờ ăn chưa tới, chàng đợi cho ngày hết, buổi chiều tàn để đi ăn cơm.

Mẹ con Bianchi mừng lắm. Clotildina vỗ tay mừng. Thôi, những cái nhĩ-ý xưa nay tính-toán sắp-sẵn bảy giờ là lúc đem ra, chờ lúc nào? Mẹ con bàn-bạc; thốt-nhiên Clotildina giậm chân vô trán. Trờ ời, cây đèn! cây đèn! Lúc này là lúc đem cây đèn, bằng xứ có hoa đỏ, đem vào dâng ông quý-khách. Nàng đốt đèn, sẽ đến gõ cửa, trong bụng nấp nôm, chỉ sợ cái chụp đèn lung-lay làm cho khói lên.

— Ông ời! Có đèn đây!...

— Không, cảm ơn, cô. — Buti từ trong phòng trả lời ra, — tôi đi bảy giờ đây.

Người con gái già ấy hơi biũ mỗi một chút, mắt nhìn xuống, như người thuê nhà ấy trông thấy mình, lại nói rằng :

— Đèn chám đây, sẵn đây ông ạ... Để cho ông khỏi tối mà!...

— Không!... cảm-ơn cô — tiếng xằng-xằng.

Chàng ngồi ở giu ờng, dương mắt trong xó tối, ở ngoài kính cửa sổ buổi chập tối xập lại rất buồn. Chàng ngồi vậy bao nhiêu lâu dương mắt trong xó tối, quên cả cái bóng tối nó che mình lấp mình đi vậy?

Thốt nhiên thấy sáng...

Chàng ta ngạc-nhiên nhìn xung quanh mình. Quả-nhiên cái phòng bỗng-nhiên sáng; sáng một cách dịu-dàng, êm-âm, như cái hơi thở kỳ-di. Cái gì vậy? Cái gì vậy?

À, hiểu rồi... Ánh đèn bên kia! Một ngọn đèn vừa mới chám ở nhà trước cửa; cái hơi đời ở ngoài lạ nó vào trong phòng mà phá cái bóng tối, cái cảnh tê-lạnh tan-tác của đời chàng...

Chàng ngồi lặng một hồi lâu mà ngắm cái ánh sáng nó ở trên giu ờng, trên tường, trên bàn tay xanh-lợt của chàng để trên bàn. Trong sự áy-náy đó, thốt-nhiên chàng sực nhớ lại gia-đình tan, cái thuở còn bé mà đã khổ-sở bị ực-bách; chàng nhớ đến mẹ... ấy thế mà thốt-nhiên nhớ thấy cái hào-quang buổi sớm, buổi bình-minh xa xói nó bắt đầu sáng tỏ cái đêm trường-dạ trong tâm-hồn chàng.

Chàng đứng giậy, lại cửa sổ, sẽ nhìn qua kính cái nhà bên kia, cái cửa sổ bên kia mà ánh sáng lại.

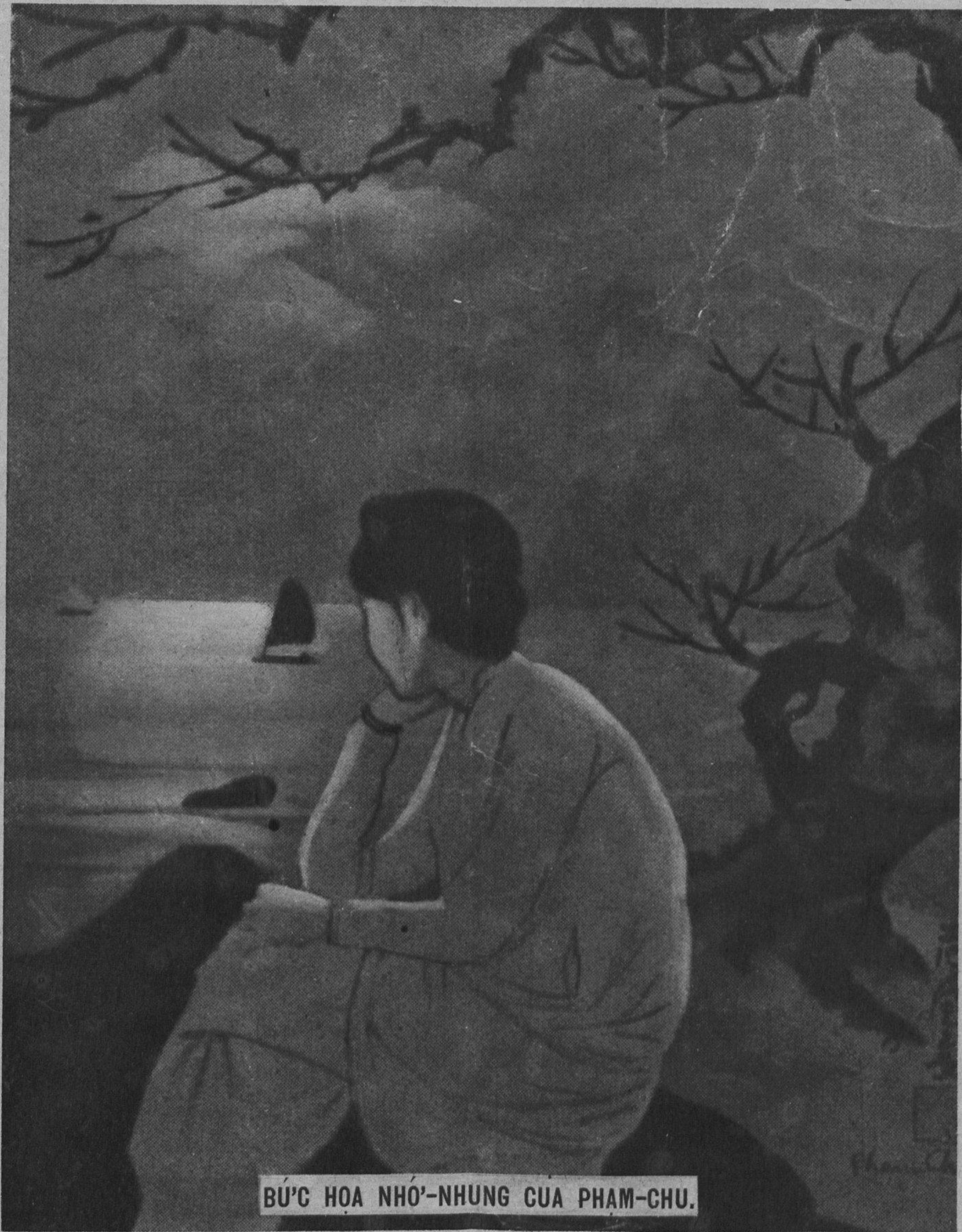
Chàng thấy một cái gia-đình đương ngồi ăn cơm : ba đứa con.

(Còn-nữa)

TOÀ SOẠN

123, rue de Lille (vnc). — Téléphone : INValides 62-83. Poste 115.

Directeur-gérant : M. LACAZE



BỨC HỌA NHỚ-NHUNG CỦA PHAM-CHU.

TRONG SỐ NÀY

CÔNG-BINH CHÚC TẾT (Trang 2).

THO' XUÂN (Trang 3, 4, 5).

LIÊN-DỐI (Trang 6).

CHUYÊN NGÀY XUÂN (Trang 7, 8).

PHÒNG VÂN nhà Tài-tù' KỲ-DUYÊN (Trang 9, 10, 11). VƯỜN BÁCH THÚ VINCENNES (Trang 12, 13, 14).

GIANG-KIỀU (Trang 15).

PHÒNG TRIÊN LÂM của Họa-Sĩ PHAM-CHU (Trang 16, 17).

Tiêu Thuyết ÁNH-DÈN-TRU'Ò'C CƯ'A của Tam-Không dịch chuật (Trang 18, 19).
